



ĐỊNH LƯỢNG SUẤT ĂN HỌC SINH

Trường Tiểu học Yên Viên - Đơn giá: 30.000VNĐ/suất

Thực đơn	Nguyên liệu	ĐVT	Định mức sống (kg)	Định mức chín (kg)
Ngày 04.05.2026				
1. Cơm trắng	<i>Gạo tẻ</i>	kg	0.11	0.25
2. Thịt kho nước dừa	<i>Thịt lợn</i>	kg	0.06	0.035-0.04
3. Đậu tằm hành	<i>Đậu phụ</i>	kg	0.076	0.04-0.045
4. Su su cà rốt xào	<i>Su su</i>	kg	0.06	0.045-0.05
	<i>Cà rốt</i>	kg	0.005	
5. Canh mồng tơi nấu tôm	<i>Mồng tơi</i>	kg	0.022	250-300ml
	<i>Tôm khô</i>	kg	0.0005	
6. Dưa hấu	<i>Dưa hấu</i>	kg	0.07	0.05
Ngày 05.05.2026				
1. Cơm trắng	<i>Gạo tẻ</i>	kg	0.11	0.25
2. Cá file chiên vừng	<i>Cá</i>	kg	0.067	0.035-0.04
3. Giò lụa rim mắm tiêu	<i>Giò lụa</i>	kg	0.03	0.025-0.03
4. Bắp cải xào cà chua	<i>Bắp cải</i>	kg	0.065	0.045-0.05
	<i>Cà chua</i>	kg	0.005	
5. Canh cải nấu thịt băm	<i>Cải canh</i>	kg	0.018	200-250ml
	<i>Thịt lợn</i>	kg	0.002	
6. Cam	<i>Cam</i>	kg	0.045	0.035-0.04
Ngày 06.05.2026				
1. Cơm trắng	<i>Gạo tẻ</i>	kg	0.11	0.25
2. Trứng đúc thịt	<i>Thịt lợn</i>	kg	0.01	0.05-0.055
	<i>Mỡ phân</i>	kg	0.005	
	<i>Hành tây</i>	kg	0.006	
	<i>Trứng gà</i>	Quả	0.9	
3. Thịt lợn xào ngũ sắc	<i>Thịt lợn</i>	kg	0.018	0.035-0.04
	<i>Ngô hạt</i>	kg	0.004	
	<i>Đỗ cô ve</i>	kg	0.008	
	<i>Cà rốt</i>	kg	0.007	
4. Bí đỏ xào tỏi	<i>Bí đỏ</i>	kg	0.065	0.045- 0.05
5. Canh chua thịt thà giá đỗ	<i>Cà chua</i>	kg	0.01	250-300ml
	<i>Giá đỗ</i>	kg	0.005	
	<i>Thịt lợn</i>	kg	0.002	
6. Chuối chín	<i>Chuối chín</i>	Quả	0.5	0.5q
Ngày 07.05.2026				
1. Cơm trắng	<i>Gạo tẻ</i>	kg	0.11	0.25
2. Gà tấm bột chiên	<i>Ức gà</i>	kg	0.06	0.035-0.04
3. Ruốc thịt lợn	<i>Thịt lợn</i>	kg	0.025	0.010
4. Giá đỗ cà rốt xào	<i>Giá đỗ</i>	kg	0.055	0.045- 0.05
	<i>Cà rốt</i>	kg	0.005	
5. Canh rau ngót nấu thịt	<i>Rau ngót tuốt lá</i>	kg	0.008	250-300ml
	<i>Thịt lợn</i>	kg	0.002	
6. Ôi lê	<i>Ôi lê</i>	kg	0.05	0.04-0.045



ĐỊNH LƯỢNG SUẤT ĂN HỌC SINH

Trường Tiểu học Yên Viên - Đơn giá: 30.000VNĐ/suất

Ngày 08.05.2026				
1. Cơm trắng	Gạo tẻ	kg	0.11	0.25
2. Bò sốt vang	Thịt bò	kg	0.042	0.05-0.055
	Khoai tây	kg	0.028	
	Cà rốt	kg	0.01	
	Cần tây	kg	0.001	
3. Muối vừng lạc	Lạc nhân	kg	0.025	0.018-0.02
4. Rau muống xào tỏi	Rau muống	kg	0.07	0.045-0.05
5. Canh chua me	Me	kg	0.002	250-300ml
6. Thạch rau câu Kazoo	Thạch rau câu Kazoo	Cái	1	1
Ngày 11.05.2026				
1. Cơm trắng	Gạo tẻ	kg	0.11	0.25
2. Thịt kho trứng cút	Trứng cút	Quả	3	3 quả
	Thịt lợn	kg	0.042	0.032
3. Đậu sốt cà chua	Đậu phụ	kg	0.076	0.045-0.05
	Cà chua	kg	0.015	
4. Bắp cải cà rốt xào	Bắp cải	kg	0.058	0.045-0.05
	Cà rốt	kg	0.007	
5. Canh bí xanh hầm xương	Xương gà	kg	0.005	200-250ml
	Bí xanh	kg	0.02	
6. Dưa hấu	Dưa hấu	kg	0.07	0.05
Ngày 12.05.2026				
1. Cơm trắng	Gạo tẻ	kg	0.11	0.25
2. Cá file tẩm bột chiên lặc phô mai	Phô mai	kg	0.001	0.035-0.04
	Cá	kg	0.067	
3. Chả rim mắm tiêu	Chả lợn	kg	0.03	0.025-0.03
4. Cải ngọt xào tỏi	Cải ngọt	kg	0.07	0.045-0.05
5. Canh rau dền nấu thịt	Rau dền	kg	0.02	200-250ml
	Thịt lợn	kg	0.002	
6. Cam	Cam	kg	0.045	0.035-0.04
Ngày 13.05.2026				
1. Cơm trắng	Gạo tẻ	kg	0.11	0.25
2. Gà om nấm	Thịt gà	kg	0.06	0.040-0.045
	Mộc nhĩ	kg	0.0005	
	Nấm hương	kg	0.0005	
3. Thịt băm xào ngô	Thịt lợn	kg	0.015	0.035-0.04
	Ngô hạt	kg	0.035	
	Cà rốt	kg	0.005	
4. Rau muống xào tỏi	Rau muống	kg	0.07	0.045-0.05
5. Canh chua me	Me	kg	0.002	250-300ml
6. Chuối chín	Chuối chín	Quả	0.5	0.5q



ĐỊNH LƯỢNG SUẤT ĂN HỌC SINH

Trường Tiểu học Yên Viên - Đơn giá: 30.000VNĐ/suất

Ngày 14.05.2026				
1. Cơm trắng	Gạo tẻ	kg	0.11	0.25
2. Trứng rán cơm thịt	Thịt lợn	kg	0.01	0.05-0.053
	Cơm	kg	0.005	
	Trứng gà	Quả	0.9	
3. Thịt lợn xào ngũ sắc	Thịt lợn	kg	0.018	0.035-0.04
	Ngô hạt	kg	0.004	
	Đỗ cô ve	kg	0.008	
	Cà rốt	kg	0.007	
4. Giá đỗ cà rốt xào	Giá đỗ	kg	0.055	0.045- 0.05
	Cà rốt	kg	0.005	
5. Canh cải nấu thịt	Cải canh	kg	0.018	200-250ml
	Thịt lợn	kg	0.002	
6. Ôi lê	Ôi lê	kg	0.05	0.04-0.045
Ngày 15.05.2026				
1. Cơm rang Dương Châu	Gạo tẻ	kg	0.132	0.02-0.25
	Giò lụa	kg	0.011	
	Ức gà	kg	0.011	
	Cà rốt	kg	0.011	
	Đỗ cô ve	kg	0.022	
	Ngô hạt	kg	0.011	
	Trứng gà	Quả	0.22	
2. Xúc xích chiên	Xúc xích	kg	0.05	1c
3. Salat dưa chuột	Cà rốt	kg	0.005	0.035-0.04
	Dưa chuột	kg	0.045	
5. Canh chua nấu thịt	Cà chua	kg	0.015	200-250ml
	Thịt lợn	kg	0.002	
6. Thạch rau câu Kazoo	Thạch rau câu Kazoo	Cái	1	1
Ngày 18.05.2026				
1. Cơm trắng	Gạo tẻ	kg	0.11	0.25
2. Thịt kho nước dừa	Thịt lợn	kg	0.06	0.038-0.045
3. Đậu sốt cà chua	Đậu phụ	kg	0.076	0.045-0.05
	Cà chua	kg	0.015	
4. Cải ngọt xào tỏi	Cải ngọt	kg	0.07	0.045-0.05
5. Canh bí đỏ hầm xương	Bí đỏ	kg	0.02	200-250ml
	Xương gà	kg	0.005	
6. Dưa hấu	Dưa hấu	kg	0.07	0.05
Ngày 19.05.2026				
1. Cơm trắng	Gạo tẻ	kg	0.11	0.25
2. Bò hầm khoai tây cà rốt	Thịt bò	kg	0.042	0.05-0.055
	Khoai tây	kg	0.028	
	Cà rốt	kg	0.01	
	Cần tây	kg	0.001	
3. Lạc chiên	Lạc nhân	kg	0.025	0.018-0.02
4. Bắp cải xào cà chua	Bắp cải	kg	0.065	0.045-0.05
	Cà chua	kg	0.005	
5. Canh chua thịt thả giá đỗ	Cà chua	kg	0.01	250-300ml
	Giá đỗ	kg	0.005	
	Thịt lợn	kg	0.002	
6. Cam	Cam	kg	0.045	0.035-0.04



ĐỊNH LƯỢNG SUẤT ĂN HỌC SINH

Trường Tiểu học Yên Viên - Đơn giá: 30.000VND/suất

Ngày 20.05.2026				
1. Cơm trắng	Gạo tẻ	kg	0.11	0.25
2. Trứng đúc thịt	Thịt lợn	kg	0.01	0.05-0.055
	Mỡ phân	kg	0.005	
	Hành tây	kg	0.006	
	Trứng gà	Quả	0.9	
3. Gà xào hành nấm	Thịt gà	kg	0.02	0.045-0.05
	Nấm hương	kg	0.0005	
	Mộc nhĩ	kg	0.0005	
	Hành tây	kg	0.015	
	Cà rốt	kg	0.01	
	Hành lá	kg	0.0001	
4. Giá đỗ cà rốt xào	Giá đỗ	kg	0.055	0.045- 0.05
	Cà rốt	kg	0.005	
5. Canh cải nấu thịt băm	Cải canh	kg	0.018	200-250ml
	Thịt lợn	kg	0.002	
6. Chuối chín	Chuối chín	Quả	0.5	0.5q
Ngày 21.05.2026				
1. Cơm trắng	Gạo tẻ	kg	0.11	0.25
2. Cá file chiên vừng	Cá	kg	0.067	0.035-0.04
3. Thịt băm xào ngô	Thịt lợn	kg	0.015	0.035-0.04
	Ngô hạt	kg	0.035	
	Cà rốt	kg	0.005	
4. Cải chíp xào tỏi	Cải chíp	kg	0.07	0.045- 0.05
5. Canh bí xanh nấu thịt	Bí xanh	kg	0.02	250-300ml
	Thịt lợn	kg	0.002	
6. Ôi lê	Ôi lê	kg	0.05	0.04-0.045
Ngày 22.05.2026				
1. Cơm trắng	Gạo tẻ	kg	0.11	0.25
2. Gà popcorn	Ức gà	kg	0.06	0.035-0.04
3. Ruốc thịt lợn	Thịt lợn	kg	0.025	0.010
4. Rau muống xào tỏi	Rau muống	kg	0.07	0.045-0.05
5. Canh chua me	Me	kg	0.002	250-300ml
6. Thạch rau câu Kazoo	Thạch rau câu Kazoo	Cái	1	1
Ngày 25.05.2026				
1. Cơm trắng	Gạo tẻ	kg	0.11	0.25
2. Thịt rang tôm	Thịt lợn	kg	0.045	0.04-0.045
	Tôm	kg	0.019	
3. Muối vừng lạc	Lạc nhân	kg	0.025	0.018-0.02
4. Bắp cải cà rốt xào	Bắp cải	kg	0.058	0.045-0.05
	Cà rốt	kg	0.007	
5. Canh mồng tơi nấu ngao	Rau mồng tơi	kg	0.018	200-250ml
	Ngao	kg	0.013	
6. Dưa hấu	Dưa hấu	kg	0.07	0.05



ĐỊNH LƯỢNG SUẤT ĂN HỌC SINH

Trường Tiểu học Yên Viên - Đơn giá: 30.000VND/suất

Ngày 26.05.2026				
1. Cơm trắng	Gạo tẻ	kg	0.11	0.25
2. Gà tấm bột chiên lác phô mai	Phô mai	kg	0.002	0.035-0.04
	Ức gà	kg	0.06	
3. Đồ cô ve cà rốt xào thịt	Thịt lợn	kg	0.018	0.035-0.04
	Đồ cô ve	kg	0.037	
	Cà rốt	kg	0.003	
4. Cải ngọt xào tỏi	Cải ngọt	kg	0.07	0.045-0.05
5. Canh chua ngao	Cà chua	kg	0.01	200-250ml
	Ngao	kg	0.013	
	Dứa	kg	0.012	
6. Cam	Cam	kg	0.045	0.035-0.04
Ngày 27.05.2026				
1. Cơm trắng	Gạo tẻ	kg	0.11	0.25
2. Thịt tấm bột chiên vừng	Thịt lợn	kg	0.06	0.045-0.05
	Vừng	kg	0.001	
3. Trứng bông	Trứng gà	Quả	0.8	0.025-0.03
4. Giá đỗ cà rốt xào	Giá đỗ	kg	0.055	0.045- 0.05
	Cà rốt	kg	0.005	
5. Canh bầu nấu tôm khô	Bầu	kg	0.022	200-250ml
	Tôm khô	kg	0.0005	
6. Chuối chín	Chuối chín	Quả	0.5	0.5q
Ngày 28.05.2026				
1. Cơm trắng	Gạo tẻ	kg	0.11	0.25
2. Cá file tấm bột chiên	Cá	kg	0.067	0.035-0.04
3. Giò lụa rim mắm tiêu	Giò lụa	kg	0.03	0.025-0.03
4. Bí đỏ xào tỏi	Bí đỏ	kg	0.065	0.045- 0.05
5. Canh cải nấu thịt	Cải canh	kg	0.018	200-250ml
	Thịt lợn	kg	0.002	
6. Ôi lê	Ôi lê	kg	0.05	0.04-0.045
Ngày 29.05.2026				
1. Bún chả	Thịt lợn	kg	0.059	0.25
	Bún	kg	0.27	
	Cà rốt	kg	0.005	
	Dưa chuột	kg	0.01	
2. Nem rán Hà Nội	Hành tây	kg	0.01	1c
	Cà rốt	kg	0.005	
	Giá đỗ	kg	0.005	
	Trứng gà	Quả	0.1	
	Mỡ phân	kg	0.008	
	Thịt lợn	kg	0.012	
3. Salat dưa chuột	Cà rốt	kg	0.005	0.035-0.04
	Dưa chuột	kg	0.045	
4. Thạch rau câu Kazoo	Thạch rau câu Kazoo	Cái	1	1